

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NGŨ HÀNH SƠN
TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17 / DS-ST

Ngày: 18 - 7 - 2022 .

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lương Thị Anh

- *Các hội thẩm nhân dân:* Ông Mai Văn Ba

Ông Nguyễn Tuấn Ngọc

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân Quận Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Ngũ Hành Sơn.TP Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Bà Ngô Thị Trường Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận Ngũ Hành Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04 /2022/TLST - DS ngày 13 tháng 01 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2022/QĐST- DS ngày 30 tháng 5 năm 2022. Quyết định hoãn phiên tòa số 22/QĐH, ngày 21 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Quốc tế V. Địa chỉ: Tầng 01 và tầng 2, tòa nhà S -111A P, phường B, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: ông Hàn Ngọc V, Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Trần Thị Thu H, chức vụ: Giám đốc TTQLN NHBL – VIB theo Giấy ủy quyền số 27869.20 ngày 04/01/2021 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Quốc tế V. Bà H ủy quyền lại cho Đặng Văn T - chức vụ: Cán bộ; Nguyễn Ngọc C - chức vụ: Cán bộ; Trần Tiến L – chức vụ: Cán bộ. Cùng địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà P, số 26, Ung Văn Khiêm, phường 25, quận B, thành phố Hồ chí Minh theo giấy ủy quyền số 90548.21 ngày 22 tháng 10 năm 2021. Ông L có mặt.

Bị đơn: Bà Trần Thị Hồng D, sinh năm 1993. Địa chỉ: 48 An Thượng 24, phường M, quận Ngũ Hành S, TP Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện gửi đến Tòa án và quá trình tố tụng tại Tòa án, đại diện nguyên đơn trình bày:*

Ngày 08/12/2020, bà Trần Thị Hồng D ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng và sử dụng tài khoản) với Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt N. theo đó ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng cho bà D, hạn mức sử dụng là 21.000.000đ, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Thời hạn sử dụng thẻ 60 tháng. Sau khi được cấp thẻ bà D đã thực hiện các giao dịch rút và trả tiền nhiều lần, tính đến ngày 25 /3/2021, với tổng số tiền giao dịch lên đến 17.067.434 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ tính từ ngày kích hoạt bà D đã thanh toán cho Ngân hàng đến ngày 5/3/2024 được 2.700.000 đồng là thôi không trả nữa mặc dù ngân hàng chúng tôi đã nhiều lần nhắc nhở cũng không có thiện chí trả nợ. Bà D đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Ngày 25/3/2024 ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo thỏa thuận tại Biểu phí và điều khoản điều kiện phát hành sử dụng thẻ. Do đó Ngân hàng khởi kiện đến Tòa án yêu cầu bà Trần Thị Hồng D trả nợ theo hợp đồng số tiền 46.056.848 đồng (Trong đó gốc 17.067.434đồng; phí 21.431.111đồng và lãi quá hạn tính từ ngày 25/3/2021 đến 18/7/2022 là 7.558.304đồng) và yêu cầu tiếp tục thanh toán khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 19/7/2022 theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng cho đến khi trả dứt điểm nợ vay.

** Bị đơn bà Trần Thị Hồng D vắng mặt và cũng không có ý kiến thể hiện tại hồ sơ*

** Tại phiên tòa hôm nay vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án gồm:*

1. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thẩm tra viên, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

** Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:*

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng về cơ bản Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 BLTTDS. Thẩm phán đã xác định đúng về thẩm quyền thụ lý vụ án, thời hiệu khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng theo quy định của BLTTDS.

** Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án:*

Tại phiên Tòa hôm nay, HĐXX đã thực hiện nguyên tắc xét xử, thủ tục phiên tòa sơ thẩm theo đúng quy định tại Chương II, chương XIV của BLTTDS; Thư ký được phân công đã thực hiện đúng quy định tại Điều 51 BLTTDS.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án:

Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay người tham gia tố tụng về cơ bản đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 BLTTDS. Bị đơn không tham gia phiên tòa dù đã được triệu tập hợp lệ là thực hiện không đúng quyền và nghĩa vụ của bị đơn quy định tại Điều 72 BLTTDS.

Đề nghị HĐXX: Áp dụng Điều 357, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng của ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt N đối với bà Trần Thị Hồng D.

- Buộc bà Trần Thị Hồng D phải trả cho Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt N số tiền 46.056.848 đồng (Trong đó gốc 17.067.434 đồng; phí 21.431.111 đồng và lãi quá hạn tính từ ngày 25/3/2021 đến 18/7/2022 là 7.558.304 đồng) và yêu cầu tiếp tục thanh toán khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 19/7/2022 theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng cho đến khi trả dứt điểm nợ vay.

- Án phí dân sự và chi phí đăng tin bà D phải chịu theo quy định của pháp luật. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt N số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt N đối với bà Trần Thị Hồng D thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Bà Trần Thị Hồng D (là bị đơn trong vụ án, không có yêu cầu phản tố) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên

căn cứ khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt với bà .

[3] Về nội dung vụ án: Ngày 08/12/2020, bà Trần Thị Hồng D ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng và sử dụng tài khoản) với Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt N. theo đó ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng cho bà D, hạn mức sử dụng là 21.000.000đ, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Thời hạn sử dụng thẻ 60 tháng. Sau khi được cấp thẻ bà D đã thực hiện các giao dịch rút và trả tiền nhiều lần, tính đến ngày 25 /3/2021, với tổng số tiền giao dịch lên đến 17.067.434 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ tính từ ngày kích hoạt bà D đã thanh toán cho Ngân hàng đến ngày 5/3/2021 được 2.700.000 đồng là thôi không trả nữa mặc dù ngân hàng chúng tôi đã nhiều lần nhắc nhở cũng không có thiện chí trả nợ. Bà D đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Ngày 25/3/2021 ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo thỏa thuận tại Biểu phí và điều khoản điều kiện phát hành sử dụng thẻ. Do đó Ngân hàng khởi kiện đến Tòa án yêu cầu bà Trần Thị Hồng D trả nợ theo hợp đồng số tiền 46.056.848 đồng (Trong đó gốc 17.067.434đồng; phí 21.431.111đồng và lãi quá hạn tính từ ngày 25/3/2021 đến 18/7/2022 là 7.558.304đồng) và yêu cầu tiếp tục thanh toán khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 19/7/2022 theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng cho đến khi trả dứt điểm nợ vay.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy: Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt N ký kết Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng và sử dụng tài khoản) với bà Trần Thị Hồng D trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội. Do vậy nghĩa vụ và quyền lợi của các bên phát sinh trong hợp đồng ký kết này được bảo vệ.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà D đã không thực hiện việc trả nợ đúng hạn là vi phạm định kỳ trả nợ, là bên có lỗi trong việc thực hiện hợp đồng tín dụng mà các bên đã thỏa thuận ký kết. Nay ngân hàng yêu cầu bà Trần Thị Hồng D trả nợ số tiền 46.056.848 đồng (Trong đó gốc 17.067.434đồng; phí 21.431.111đồng và lãi quá hạn tính từ ngày 25/3/2021 đến 18/7/2022 là 7.558.304đồng) và yêu cầu tiếp tục thanh toán khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 19/7/2022 theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng cho đến khi trả dứt điểm nợ vay.

HĐXX thấy yêu cầu nêu trên của ngân hàng là phù hợp với Điều 357, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010 và Án lệ 08/2016/AL ngày 17/10/2016 nên cần được chấp nhận;

[7] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà D phải chịu án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Cụ thể số tiền bà D phải chịu là 2.320.842đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt N số tiền tạm ứng án phí 629.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng theo biên lai thu số 0001129 ngày 05 tháng 01 năm 2022.

Chi phí đăng tin thông tin đại chúng 4.800.000đ bà D phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 357, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015. Án lệ 08/2016/AL ngày 17/10/2016; Khoản 2 Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” của Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt N đối với bà Trần Thị Hồng D.

Xử:

1/Tuyên buộc bà Trần Thị Hồng D phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt N 46.056.848 đồng (Trong đó gốc 17.067.434đồng; phí 21.431.111đồng và lãi quá hạn tính từ ngày 25/3/2021 đến 18/7/2022 là 7.558.304đồng).

Kể từ ngày 19/7/2022 bà D còn phải tiếp tục trả khoản tiền phí, lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất lãi cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

2/Án phí dân sự sơ thẩm: 2.320.842đồng bà Trần Thị Hồng D phải chịu

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt N số tiền tạm ứng án phí 629.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng theo biên lai thu số 0001129 ngày 05 tháng 01 năm 2022.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết trích sao kết quả phiên tòa.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các điều 6,7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Đương sự;
- Viện KSND quận Ngũ Hành Sơn; ĐN
- Chi cục THADS quận Ngũ Hành Sơn; ĐN
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lương Thị Anh

